

Bản án số: 286/2022/DS-ST
Ngày: 19-8-2022
V/v tranh chấp Hợp đồng sử dụng
thẻ tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Phúc Hảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Chí Minh

Bà Nguyễn Võ Uyên Linh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thế Vinh – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Minh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 68/2022/TLST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3801/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4620/2022/QĐST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q.

Địa chỉ: Tầng 2 Tòa nhà S, Số 1A đường P, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Huy T và/hoặc bà Lê Thị Như Q và/hoặc ông Phan Văn P.

Cùng địa chỉ liên lạc: Tầng 6 Tòa nhà P – Số 2 đường U, Phường 5, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 46904.21 ngày 19 tháng 7 năm 2021).

- Bị đơn: Ông Bùi Khánh V, sinh năm 1986

Địa chỉ: Số 9 đường T, phường T, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19/7/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - Ông Phạm Huy T, bà Lê Thị Như Q, ông Phan Văn P thống nhất trình bày:

- Căn cứ Bản đăng ký phát hành Thẻ tín dụng quốc tế ngày 11/01/2018. Ngày 12/01/2018 nguyên đơn đồng ý cấp Thẻ tín dụng cho bị đơn, chi tiết như sau: số thẻ: 513892xxxxxx0506; loại thẻ: Thẻ tín dụng MC CR Cash Back; Ngày cấp: 23/01/2018; Hạn mức thẻ: 120.000.000 VND; hiệu lực thẻ: ngày 31/01/2021; lãi suất, phí: Theo Biểu phí và Điều khoản điều kiện VIB Cash Back từng thời kỳ.

- Trong quá trình sử dụng 01 Thẻ tín dụng nêu trên, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh từ ngày 08/10/2018. Nguyên đơn đã đôn đốc, tạo điều kiện nhiều lần để bị đơn thanh toán các khoản nợ thẻ tín dụng. Tuy nhiên, bị đơn vẫn cố tình vi phạm, không thực hiện đúng thỏa thuận trong Bản đăng ký phát hành Thẻ tín dụng quốc tế ngày 11/01/2018.

- Tạm tính đến ngày 19 tháng 8 năm 2022, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là 248.793.762 đồng (Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi tám triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn bảy trăm sáu mươi một đồng), trong đó gồm có:

- + Nợ gốc: 119.999.672 đồng
- + Nợ lãi: 46.296 574 đồng
- + Nợ phí: 82.502.515 đồng.

Yêu cầu của nguyên đơn:

- Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn (ngay sau khi Bản án, quyết định có hiệu lực thi hành) số tiền tạm tính đến ngày 19 tháng 8 năm 2022 là: 248.793.762 đồng (Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi tám triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn bảy trăm sáu mươi một đồng), trong đó gồm có:

- + Nợ gốc: 119.999.672 đồng
- + Nợ lãi: 46.296574 đồng
- + Nợ phí: 82.502.515 đồng.

Bị đơn là ông Bùi Khánh V không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt thông báo phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải cho ông Bùi Khánh V, nhưng ông V vẫn không có mặt do đó vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn không có mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ Bản đăng ký phát hành Thẻ tín dụng quốc tế ngày 11 tháng 01 năm 2018 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện ông Bùi Khánh V có hộ khẩu thường trú tại số 9 đường T, phường T, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng hiện không cư trú tại địa phương và đi đâu không rõ.

Xét, bị đơn thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật Cư trú, nên địa chỉ số 9 đường T, phường T, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh được xác định là nơi cư trú cuối cùng.

Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn thường trú tại số 9 đường T, phường T, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời trình bày của đại diện nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định:

[2.1] Theo Bản đăng ký phát hành Thẻ tín dụng quốc tế ngày 11 tháng 01 năm 2018 thì bị đơn có vay và hiện còn nợ nguyên đơn tiền gốc, nợ lãi và nợ phí Tạm tính đến ngày 19 tháng 8 năm 2022, ông Bùi Khánh V còn nợ Eximbank số tiền 248.793.762 đồng (Nợ gốc: 119.999.672 đồng; Nợ lãi: 46.296574 đồng; Nợ phí: 82.502.515 đồng).

[3] Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nên toàn bộ dư nợ hiện có của hợp đồng này dù chưa đến hạn cũng được chuyển sang nợ quá hạn là phù hợp với thỏa thuận của hai bên tại Mục 9.3 của bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB.

Căn cứ Bản đăng ký phát hành Thẻ tín dụng quốc tế ngày 11 tháng 01 năm 2018 cũng như quy định tại Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; các khoản 1 và 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và khoản 2 Điều 24, khoản 1 Điều 25 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (có hiệu lực thi hành tại thời điểm các bên giao kết hợp đồng tín dụng), yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc, lãi quá hạn, nợ phí... của hợp đồng vay, tổng cộng số tiền tạm tính đến ngày 19 tháng 8 năm 2022 là 248.793.762 đồng (Nợ gốc: 119.999.672 đồng; Nợ lãi: 46.296574 đồng; Nợ phí: 82.502.515 đồng).

[3] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày phải trả lãi trên nợ gốc tính từ thời điểm xét xử sơ thẩm cho đến ngày trả hết nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP

ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên 12.439.688 đồng đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Ngân hàng TMCP Q không phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 14 Điều 4, khoản 2 Điều 91 và khoản 1 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14 tháng 4 năm 2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q.

Buộc Ông Bùi Khánh V có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q tổng số 248.793.762 đồng (Nợ gốc: 119.999.672 đồng; Nợ lãi: 46.296574 đồng; Nợ phí: 82.502.515 đồng) tính đến ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Bản đăng ký phát hành Thẻ tín dụng quốc tế ngày 11 tháng 01 năm 2018.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong hợp đồng.

2. Về án phí: Ông Bùi Khánh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.439.688 đồng.

Hoàn lại Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 6.219.844 đồng theo biên lai số AA/2021/0005557 ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Phúc Hảo

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Phúc Hảo